TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 12 - 2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thuận;
Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 710/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Văn K, sinh năm 1968
Địa chỉ: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị đơn*: Võ Thị H, sinh năm 1966
Địa chỉ: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là bà Võ Thị H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1985, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc, ảnh hưởng đến công việc làm ăn. Đến tháng 11 năm 2023, nguyên đơn bỏ nhà đi và sống ly thân cho đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung là: Nguyễn Văn S, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1986; Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2005. Hiện đều đã

trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập đến.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là bà Võ Thị H; con chung đều đã trưởng thành nên không đề cập; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 11 năm 2024 và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là bà Võ Thị H trình bày:

Bị đơn và nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 1985, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc từ đó đến nay, chưa hề phát sinh mâu thuẫn; việc nguyên đơn bỏ nhà ra đi là do mâu thuẫn với đứa con lớn là Nguyễn Văn S. Về con chung chỉ có 01 người con là Nguyễn Văn S, còn Nguyễn Thị Mỹ H1 là con nuôi.

Bị đơn không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng không hề có mâu thuẫn. Do bị đơn không đồng ý ly hôn nên không đề cập đến vấn đề tài sản, nếu có phát sinh tranh chấp bị đơn sẽ khởi kiện chia tài sản bằng vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Phía bị đơn cho rằng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh; phía nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh theo đơn xác nhận không đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 12 năm 2023, được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P xác nhận nguyên đơn và bị đơn không có tên trong sổ bộ đăng ký kết hôn. Do đó cần xác định hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều xác định quan hệ hôn nhân giữa đôi bên được xác lập năm 1985, nên cần xem xét hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân thực tế để xem xét, giải quyết yêu cầu ly hôn theo thủ tục chung.

Xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, các đương sư đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2023 đến nay. Thời gian sống ly thân đã lâu, nhưng các đương sự không gặp gỡ để bàn biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân; bỏ mặc vợ, chồng để sống ly thân; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Từ đó cũng đủ thấy hôn nhân giữa các đương sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Xét con chung của các đương sự đều đã thành niên và không có nhược điểm về thể chất, tâm thần, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản: Các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét, mà ghi nhận cho các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng vụ kiện khác nếu có tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn K.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn K được ly hôn với bà Võ Thị H.

1.2. Về con chung: Không xem xét.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, không xem xét.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007405 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Thắng